

**WILDLIFE PROTECTION EDUCATION
MODEL IN SCHOOLS IN THE
CENTRAL HIGHLANDS, VIETNAM:
PRACTICES AND PROPOSALS**

Tran Huy Hoang

*The Vietnam National Institute of Educational
Sciences, Hanoi City, Vietnam*

Corresponding author: Tran Huy Hoang,
e-mail: hoang771@yahoo.com

**MÔ HÌNH GIÁO DỤC BẢO VỆ ĐỘNG
VẬT HOANG DÃ TRONG NHÀ TRƯỜNG
PHỔ THÔNG VÙNG TÂY NGUYÊN,
VIỆT NAM: THỰC TIỄN VÀ ĐỀ XUẤT**

Trần Huy Hoàng

*Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam,
thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Trần Huy Hoàng,
e-mail: hoang771@yahoo.com

Received April 5, 2025.

Revised April 16, 2025.

Accepted May 4, 2025.

Ngày nhận bài: 5/4/2025.

Ngày sửa bài: 16/4/2025.

Ngày nhận đăng: 4/5/2025.

Abstract. This paper presents a literature review and an analysis of the current situation regarding wildlife conservation education for school students in the Central Highlands, Vietnam. The study focuses on the following aspects: community collaboration in wildlife conservation education activities; the integration of wildlife conservation education content into academic subjects and educational activities; the incorporation of wildlife conservation content into experiential activities; and the organizational capacity for implementing these educational activities. Based on this analysis of the current situation, the study proposes a model for wildlife conservation education, along with its operational mechanism, which is feasible and effective for schools in the Central Highlands region.

Keywords: wildlife protection education, wildlife protection, wildlife protection education model, schools.

Tóm tắt. Bài báo trình bày tổng quan lý luận và phân tích thực trạng giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cho học sinh phổ thông Tây Nguyên, Việt Nam. Nội dung phân tích tập trung vào các khía cạnh sau: sự phối hợp của cộng đồng trong các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã; việc tích hợp các nội dung giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong các môn học và hoạt động giáo dục; việc lồng ghép nội dung bảo vệ động vật hoang dã vào hoạt động trải nghiệm; và năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục bảo vệ động vật hoang dã. Dựa trên các phát hiện từ phân tích thực trạng này, nghiên cứu đề xuất mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã cùng cơ chế vận hành khả thi, hiệu quả cho trường phổ thông khu vực Tây Nguyên.

Từ khóa: giáo dục bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ động vật hoang dã, mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã, trường phổ thông.

1. Mở đầu

Theo Báo cáo thường niên của Tổ chức Khí tượng Thế giới năm 2022, đến năm 2026, khả năng nóng lên toàn cầu đạt đến ngưỡng 1,5 độ so với thời kì tiền nông nghiệp, số lượng thiên tai tăng gấp 5 lần trong những thập niên vừa qua gây thiệt hại trung bình 202 triệu USD/ngày [1]. Do đó, tổ chức này đã đưa ra cảnh báo: “Nếu không có hành động đầy tham vọng, biến đổi khí hậu sẽ gây ra các tác động tự nhiên và kinh tế xã hội rất tàn khốc” hay nói cách khác việc cải thiện

môi trường sống được coi là một trong các nhiệm vụ hết sức cấp thiết. Trong đó, bảo tồn động vật hoang dã (ĐVHD) là một nhiệm vụ trọng tâm, ảnh hưởng đến sinh tồn của con người và tất cả các dạng sống khác trên trái đất.

Bảo tồn ĐVHD là việc bảo vệ (BV) các loài ĐVHD và môi trường sống của chúng, để đảm bảo rằng thế giới tự nhiên sẽ được BV để che chở cho các thế hệ tương lai, giúp loài người nhận ra tầm quan trọng của ĐVHD và môi trường hoang dã đối với con người và các loài vật trên hành tinh này. Mô hình giáo dục (GD) bảo tồn ĐVHD được xây dựng và triển khai thực hiện ở nhiều nơi trên thế giới như Mỹ, Kenya, Anh, Ấn Độ, Uganda, Mexico,... Tại châu Phi, Quỹ bảo tồn ĐVHD Châu Phi (AWCF) hoạt động vì mục tiêu BV các loài động vật ăn thịt lớn ở miền nam châu Phi, đặc biệt là loài chó hoang. AWCF điều hành một chương trình GD và tiếp cận toàn diện tại các trường học ở nông thôn và cộng đồng xung quanh khu bảo tồn. Tại các trường tiểu học, chương trình GD được thực hiện bắt đầu với các tiết học nhận thức về bảo tồn và cho HS xem các phim tài liệu về cuộc sống hoang dã. Đến nay, chương trình này được mở rộng đáng kể thông qua các hoạt động trải nghiệm dành cho HS và người dân về cuộc sống của ĐVHD, có nhiều cơ hội tiếp cận với khu bảo tồn, phát triển nhận thức về ĐVHD và tầm quan trọng của BV các loài động vật này. Đối với HS trung học, AWCF đầu tư GD cho một số HS giỏi có niềm đam mê với bảo tồn động vật, bồi dưỡng các em trở thành những nhà lãnh đạo, những đại sứ bảo tồn trong cộng đồng. Không chỉ hướng đến đối tượng HS, các cuộc trải nghiệm còn mở rộng đến đối tượng các nhà quản lý trong trường học hoặc các địa phương, những người hứng thú với thế giới ĐVHD.

Project WILD là chương trình GD môi trường và bảo tồn liên ngành tập trung vào động vật hoang dã và môi trường sống. Được giới thiệu từ năm 1983, chương trình đã thu hút hơn 1,5 triệu nhà GD tại Hoa Kỳ tham gia vào các hội thảo Project WILD và Aquatic WILD, từ đó tiếp cận hơn 100 triệu học sinh (HS) [4]. Chương trình dự án gồm: HS nghiên cứu các chủ đề hoặc vấn đề môi trường ở địa phương; Kết nối nghề nghiệp thực tế trong lĩnh vực quản lý và bảo tồn động vật hoang dã; Đưa HS ra ngoài với các hoạt động ngoài trời, gắn với thiên nhiên.

Nghiên cứu của Wright (2021) xem xét việc triển khai chương trình GD dựa trên thực địa (Placed-Base Education) do địa phương phát triển cho các lớp khoa học ở trường trung học với mục đích thúc đẩy các hành vi tích cực về môi trường. Thông qua nghiên cứu, nhóm tác giả thấy rằng những giáo viên (GV) có quyền chủ động về chương trình (curriculum agency) với khả năng và sự tự tin trong việc quyết định, điều chỉnh, và sử dụng chương trình giảng dạy một cách sáng tạo để phù hợp với HS, bối cảnh trường học, và mục tiêu GD sẽ sẵn sàng áp dụng và điều chỉnh các bài học cho lớp học của mình [5]. Đây cũng là một giải pháp mà nhóm nghiên cứu đã đưa ra nhằm hỗ trợ GV tiếp cận GD BVĐVHD. Ngoài ra, còn rất nhiều các nghiên cứu, các dự án, mô hình triển khai GD BV ĐVHD đã mang lại những kết quả khả thi và những thay đổi tích cực trong nhà trường, cộng đồng về hành vi góp phần BV ĐVHD nói riêng và BV môi trường nói chung [6]-[9].

Từ kinh nghiệm GD BV ĐVHD ở các quốc gia Trung Quốc [10], [11], Singapo [12] và New Zealand [13], nghiên cứu về bảo tồn ĐVHD ở Việt Nam cần tập trung vào các hướng chủ yếu: Nội dung GD bảo tồn ĐVHD; Mô hình bảo tồn ĐVHD; Hoạt động truyền thông về tầm quan trọng, cách thức bảo tồn ĐVHD [14], [15].

Tại Việt Nam, năm 2019, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp cùng Bộ GD và Đào tạo đã tổ chức dạy thử nghiệm tài liệu bảo tồn ĐVHD có nguy cơ bị tuyệt chủng cho HS Tiểu học tại huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk. Đây là hoạt động nằm trong kế hoạch thực hiện công tác năm học 2018 – 2019 kết hợp với triển khai dự án “giảm nhu cầu sử dụng ĐVHD bị buôn bán trái phép tại Việt Nam”. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức dạy thử nghiệm nội dung bảo tồn ĐVHD có nguy cơ tuyệt chủng tại 4 trường Tiểu học tại huyện Ea Súp với chủ đề: Hổ, gấu, tê tê, chim hồng hoàng, tê giác, voọc, thế giới động vật, rùa biển, voi. Qua đó, các em HS được tìm hiểu về đặc điểm cấu tạo, nơi sinh sống, thức ăn, sự sinh sản, thói quen của một số loài ĐVHD cũng như hiểu được các mối đe dọa tuyệt chủng và sự cần thiết trong việc thực hiện các giải pháp

bảo tồn các loại động vật này. Từ đó, hình thành ý thức cho HS về các loại ĐVHD có nguy cơ bị tuyệt chủng, khích lệ các em vận động mọi người cùng nhau BV nơi sinh sống, nguồn thức ăn của những loại động vật này và tuyệt đối không sử dụng sản phẩm có nguồn gốc từ ĐVHD. Hoạt động này được tiếp tục triển khai tại 10 tỉnh thành với sự tham gia của hơn 50 trường Tiểu học và khoảng 15.000 HS. Kết quả cho thấy, HS có kiến thức, thái độ tích cực hơn về các ĐVHD quý hiếm, hiểu rõ mối đe dọa tuyệt chủng cũng như sẵn sàng nói chuyện với người thân về việc không nên sử dụng các sản phẩm từ các động vật này. Từ các hướng nghiên cứu và thực tiễn tại Việt Nam cũng như trên thế giới đã chỉ ra 1 số con đường/cách thức để triển khai các hoạt động GDBV ĐVHD trong nhà trường, bao gồm: tổ chức dạy học (tích hợp lồng ghép các nội dung, hoạt động GD), sự phối hợp của cộng đồng, học thực địa,... Đó chính là căn cứ để có thể xây dựng mô hình và triển khai mô hình này ở khu vực Tây Nguyên.

Tuy nhiên, “khoảng trống” nghiên cứu cho đến nay vẫn còn bỏ ngỏ, đó là việc làm thế nào để mỗi nhà trường có thể chủ động trong việc đưa công tác GD BVĐVHD trong các hoạt động chung của mỗi cơ sở GD, đảm bảo tính bền vững, phù hợp với bối cảnh đổi mới GD. Do vậy, việc xây dựng một mô hình bảo tồn ĐVHD và triển khai các hoạt động GD một cách hệ thống, đồng bộ phù hợp với giai đoạn phát triển mới là những vấn đề cần tiếp tục giải quyết trong nghiên cứu này. Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng GD BV ĐVHD cho HS phổ thông khu vực Tây Nguyên, tạo cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất mô hình tổ chức GD và hoạt động truyền thông về BV các ĐVHD nói chung nhằm hướng đến mục tiêu cao nhất là BV hệ sinh thái tự nhiên tại Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi tiến hành khảo sát vào tháng 10 năm 2023. Số liệu được thu thập thông qua khảo sát trực tiếp 879 người là cán bộ quản lý (CBQL), (GV) và HS tại các trường phổ thông tại 2 tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên là tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Lâm Đồng. Với mỗi tỉnh, chúng tôi lựa chọn 02 trường tiểu học, 02 trường THCS và 02 trường THPT tham gia khảo sát (tổng cộng 12 trường). Bài báo sử dụng kết quả khảo sát thông qua xin ý kiến bằng phiếu hỏi về thực trạng sự phối hợp của cộng đồng trong các hoạt động GD BV ĐVHD; việc tích hợp các nội dung GD BV ĐVHD trong các môn học và hoạt động GD; việc lồng ghép nội dung BV ĐVHD vào hoạt động trải nghiệm; và năng lực tổ chức các hoạt động GD BV ĐVHD tại nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên.

2.3. Phân tích dữ liệu

Tất cả dữ liệu thu thập từ bảng hỏi về được kiểm tra, sắp xếp, mã hóa và đặt tên lại các câu hỏi trùng nhau ở các đối tượng. Sau đó dữ liệu sẽ được gộp thành một file duy nhất và sử dụng phần mềm SPSS để xử lý số liệu.

Phương pháp phân tích được sử dụng chủ yếu là:

- Thống kê mô tả nhằm đưa ra một bức tranh khái quát về thực trạng GD ĐVHD theo các đối tượng được hỏi và theo trường.
- Tính phần trăm – đối với các câu hỏi có/không hoặc lựa chọn giữa 2 phương án; hoặc các câu hỏi đánh giá mức độ.
- Điểm trung bình – đối với các câu hỏi về mức độ theo thang đo likert 5 được gán điểm 1 đến điểm 5, sau đó tính điểm trung bình; điểm trung bình này giúp chúng tôi có cái nhìn khái quát nhất về xu hướng của dữ liệu.

2.4. Kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu làm rõ: Thực trạng về sự phối hợp của cộng đồng trong các hoạt động GD BV ĐVHD tại nhà trường phổ thông; Thực trạng tích hợp các nội dung GD BV ĐVHD trong các môn

học và hoạt động GD tại nhà trường phổ thông; Thực trạng lồng ghép nội dung BV ĐVHD vào hoạt động trải nghiệm tại nhà trường phổ thông; Thực trạng năng lực tổ chức các hoạt động GD BV ĐVHD tại nhà trường phổ thông.

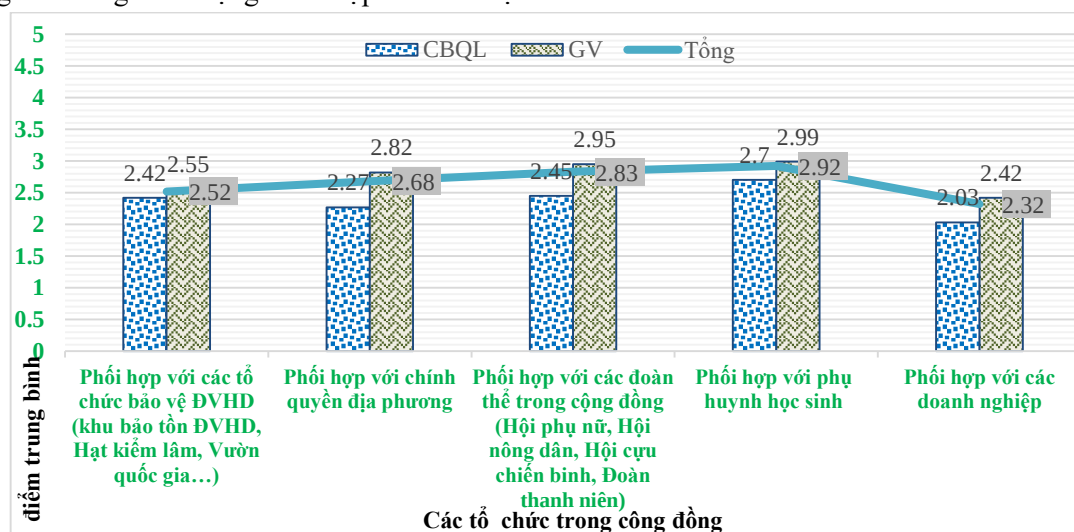
Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng về xây dựng mô hình GD BV ĐVHD hiện đang được thực hiện ở các cơ sở GD, chúng tôi hoàn thiện mô hình GD BV ĐVHD phù hợp và hiệu quả ở nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên, Việt Nam.

2.4.1. Kết quả khảo sát thực trạng

Trong khuôn khổ bài báo, chúng tôi trình bày sơ lược kết quả khảo sát thực trạng về GD BV ĐVHD trên các khía cạnh: (i) Sự phối hợp của cộng đồng trong các hoạt động GD BV ĐVHD; (ii) Tích hợp, lồng ghép các nội dung GD BV ĐVHD trong các môn học và hoạt động GD; (iii) Năng lực tổ chức các hoạt động GD BV ĐVHD và được coi như những thành tố của mô hình GD BV ĐVHD đề xuất.

2.4.1.1. Sự phối hợp của cộng đồng trong các hoạt động GD BV ĐVHD

Theo số liệu khảo sát, hiện nay, ở các nhà trường phổ thông chưa có các mô hình cụ thể về GD BV ĐVHD mà chỉ có các hoạt động GD hướng tới GD BV ĐVHD đã và đang triển khai rộng khắp trên cả nước. Do đó, để triển khai các hoạt động GD BV ĐVHD rất cần có sự chung tay của cả cộng đồng được thể hiện ở việc các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và người dân địa phương cùng có những hành động thích hợp và thiết thực để BV ĐVHD.



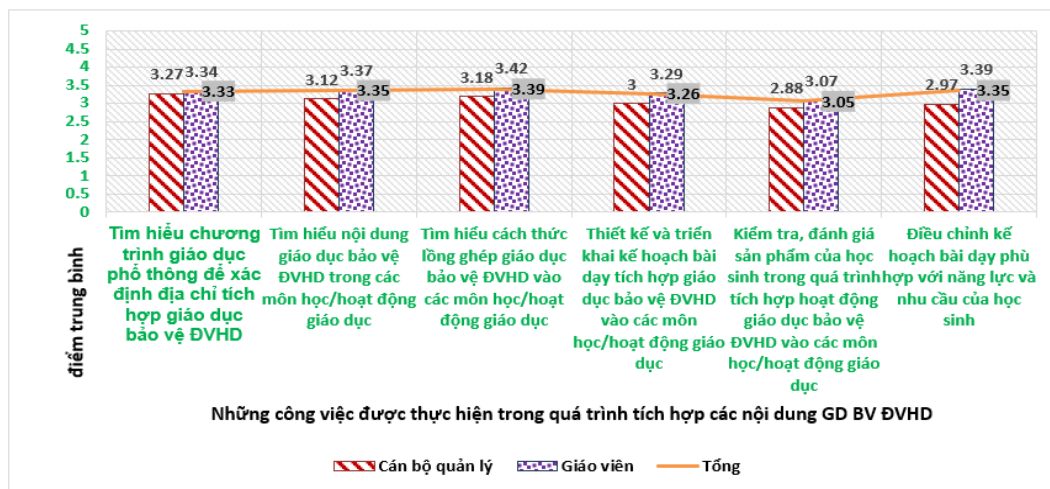
Biểu đồ 1. Điểm trung bình mức độ tham gia của các tổ chức trong cộng đồng đối với các hoạt động GD BV ĐVHD cho HS ở trường phổ thông

Từ Biểu đồ 1, có thể thấy giá trị trung bình về mức độ tham gia của các tổ chức trong cộng đồng trong các hoạt động GD BV ĐVHD dao động từ 2.03 đến 2.99 có nghĩa là đều nằm trong mức độ hiếm khi và thỉnh thoảng, không có tổ chức nào có sự phối hợp thường xuyên và rất thường xuyên với nhà trường trong các hoạt động GD BV ĐVHD. Xét theo từng đối tượng đánh giá về sự phối hợp này, đội ngũ CBQL cho rằng việc phối hợp với doanh nghiệp, phụ huynh HS, các đoàn thể trong cộng đồng, chính quyền địa phương và các tổ chức BV ĐVHD khá khó khăn khi sự phối hợp này chỉ ở mức độ hiếm khi với điểm trung bình từ 2,03 đến 2,42. Trong khi đó, phụ huynh HS là đối tượng được đánh giá phối hợp ở mức tốt nhất trong số tất cả các tổ chức trong cộng đồng, tuy nhiên mức độ phối hợp cũng chỉ ở mức thỉnh thoảng với điểm trung bình là 2,7. Dưới góc nhìn của đội ngũ GV, hai tổ chức được đánh giá phối hợp nhiều nhất là phụ huynh HS và các đoàn thể trong cộng đồng, tuy nhiên cũng vẫn chỉ ở mức độ thỉnh thoảng với điểm trung bình lần lượt là 2,92 và 2,83; trong khi đó việc phối hợp với các tổ chức BV ĐVHD và doanh nghiệp là ít nhất, ở mức độ hiếm khi với điểm trung bình lần lượt là 2,52 và 2,32.

Để các hoạt động GD có thể lan tỏa và bền vững trong cộng đồng thì cộng đồng phải được tham gia vào tất cả các quá trình của hoạt động GD BV ĐVHD từ xây dựng kế hoạch chương trình, tham gia cùng với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động đến việc đánh giá các sản phẩm của HS hay hỗ trợ về cơ sở vật chất, nguồn lực cho các hoạt động do nhà trường tổ chức.

2.4.1.2. Tích hợp, lồng ghép các nội dung GD BV ĐVHD trong các môn học và hoạt động GD

Trong những năm qua, nội dung BV động vật đã được tích hợp vào nhiều môn học và các hoạt động GD ở các cấp học, nhằm giúp HS nhận thức được vẻ đẹp, sự đa dạng và giá trị của thế giới ĐVHD Việt Nam. Đồng thời, những nội dung tích hợp giúp HS nhận thức được mối đe dọa và các hành động có thể thực hiện nhằm BV các loài động vật. Từ đó, HS có ý thức trách nhiệm và sẵn sàng BV ĐVHD.



Biểu đồ 2. Điểm trung bình của những công việc được thực hiện trong quá trình tích hợp các nội dung GD BV ĐVHD vào các môn học và hoạt động GD

Biểu đồ 2 cho thấy, giá trị trung bình của những công việc được triển khai thực hiện trong quá trình tích hợp các nội dung GD BV ĐVHD dao động từ 2.88 đến 3.42 (mức thịnh vượng). Cả CBQL và GV đều cho rằng những công việc được thực hiện trong quá trình tích hợp như: Tìm hiểu chương trình GD phổ thông để xác định địa chỉ tích hợp; Tìm hiểu nội dung GD BV ĐVHD trong môn học/ hoạt động GD; Tìm hiểu cách thức lồng ghép GD BV ĐVHD vào các môn học/hoạt động GD; Thiết kế và triển khai kế hoạch bài dạy tích hợp GD BV ĐVHD vào các môn học/hoạt động GD; Kiểm tra, đánh giá sản phẩm của HS trong quá trình tích hợp hoạt động GD BV ĐVHD vào các môn học/hoạt động GD; Điều chỉnh kế hoạch bài dạy phù hợp với năng lực và nhu cầu của HS đều chỉ ở mức thịnh vượng.

Ngoài việc tích hợp các nội dung BV ĐVHD vào các môn học/ hoạt động GD, việc lồng ghép các nội dung BV ĐVHD vào hoạt động trải nghiệm cũng được các nhà trường thực hiện trong các năm học. Đội ngũ GV cho rằng việc thực hiện các hoạt động trải nghiệm được tiến hành ở mức độ nhiều nhất so với các đối tượng còn lại, tiếp đến là đội ngũ CBQL, tiếp theo là HS trung học và cuối cùng là HS tiểu học. Nội dung “Sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp có nội dung liên quan đến BV ĐVHD” và “Tổ chức các trò chơi về BV ĐVHD” là hoạt động được đánh giá là thực hiện nhiều nhất so với các hoạt động còn lại; ngược lại nội dung “Làm các dự án về BV ĐVHD” và “Các hoạt động tình nguyện để BV ĐVHD” được đánh giá thực hiện ít nhất so với các hoạt động còn lại.

Xét trên mặt bằng chung, cha mẹ HS là những người ít tham gia vào các hoạt động trải nghiệm nhất, tiếp đến là cộng đồng; ngược lại là đối tượng HS và GV tham gia nhiều nhất vào các hoạt động trải nghiệm để GD BV ĐVHD ở nhà trường. Đối tượng CBQL lại được đánh giá giá cao nhất khi tổ chức thực hiện các dự án về GD BV ĐVHD, trong khi GV và HS tham gia

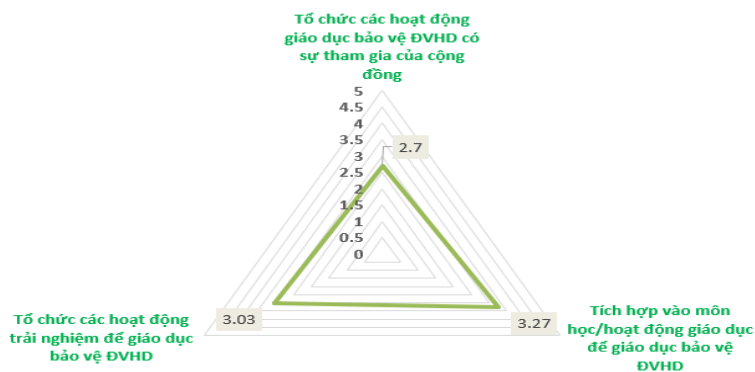
một cách đầy đủ ở tất cả các hoạt động trải nghiệm. Bên cạnh đó, cha mẹ HS và cộng đồng lại không tham gia ở các hoạt động dự án GD BV ĐVHD.

Đối với đội ngũ CBQL và GV, việc lên kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm và tham gia làm ban giám khảo trong các cuộc thi là hai nội dung được các đối tượng này thực hiện nhiều nhất. Đối với HS, việc làm báo cáo thu hoạch, tạo ra các sản phẩm như tranh vẽ, video clip sau trải nghiệm là hoạt động diễn ra thường xuyên nhất. Cộng đồng và cha mẹ HS thực hiện việc đóng góp tiền, vật chất để tổ chức các hoạt động trải nghiệm và đóng góp công sức, thời gian hỗ trợ GV/ nhà trường tổ chức các hoạt động truyền thông GD BV ĐVHD.

2.4.1.3. Năng lực tổ chức các hoạt động GD BV ĐVHD

Trong các hoạt động tập huấn cho GV liên quan đến GD BV ĐVHD, nội dung tích hợp vào các môn học/ hoạt động GD để GD BV ĐVHD được tập huấn nhiều nhất (51.4%), tiếp đến là hoạt động trải nghiệm để GD BV ĐVHD (35.1%) và cuối cùng là các hoạt động GD BV ĐVHD có sự tham gia của cộng đồng (chỉ có 13,5%). Để hoạt động GD BV ĐVHD đạt hiệu quả, GV cần linh hoạt, sáng tạo tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Trên cơ sở định hướng theo tài liệu GD của Bộ GD& Đào tạo, GV tổ chức đa dạng hoạt động GD BV ĐVHD tạo động lực cho HS nâng cao năng lực và thái độ về BV ĐVHD.

Kết quả thống kê cho thấy, rất ít CBQL cho rằng GV “không có năng lực” trong việc tổ chức các hoạt động GD BV ĐVHD mà chủ yếu đánh giá ở mức “có năng lực đảm bảo thực hiện được” (khoảng 35%). Tuy nhiên vẫn có khoảng ¼ số lượng CBQL cho rằng GV có năng lực nhưng còn hạn chế trong việc tổ chức các hoạt động GD BV ĐVHD; Tỷ lệ này xấp xỉ với ý kiến “có năng lực tốt”.



Biểu đồ 3. Điểm trung bình mức độ đánh giá của CBQL đối với năng lực tổ chức các hoạt động GD BV ĐVHD của GV

Biểu đồ 3 thể hiện điểm trung bình cũng cho thấy, các GV đều được CBQL đánh giá ở mức “có năng lực đảm bảo thực hiện được” các hoạt động GD BV ĐVHD với mức điểm trung bình từ 2.7 đến 3.27.

Tóm lại: Kết quả khảo sát cho thấy mức độ tham gia của các cá nhân và tổ chức ở cộng đồng trong các hoạt động GD BV ĐVHD dao động từ 2.03 đến 2.99 đều nằm trong mức độ hiếm khi và thỉnh thoảng; những công việc được thực hiện trong quá trình tích hợp các nội dung GD BV ĐVHD dao động từ 2.88 đến 3.42 là nằm trong mức thỉnh thoảng; những hoạt động trải nghiệm được tổ chức tại nhà trường để GD BV ĐVHD dao động từ 1.91 đến 2.33, đều nằm ở khoảng hiếm khi; các GV đều được CBQL đánh giá ở mức “có năng lực đảm bảo thực hiện được” các hoạt động GD BV ĐVHD với mức điểm trung bình từ 2.7 đến 3.27

2.4.2. Đề xuất mô hình giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên

Việc đề xuất mô hình GD BV ĐVHD trong nhà trường phổ thông được dựa trên quan điểm

xây dựng chương trình GD phổ thông 2018 và yêu cầu thực tiễn về GD BV môi trường nói chung, BV ĐVHD ở Tây Nguyên nói riêng, đồng thời góp phần đáp ứng mục tiêu của chương trình GD phổ thông mới. Điểm mới của mô hình là dựa trên các căn cứ lí luận và thực tiễn của công tác giáo dục bảo vệ ĐVHD, mô hình được thiết kế theo cách tiếp cận tổng thể, với các thành tố bao gồm cả hoạt động quản lí, hoạt động chuyên môn, phạm vi bao gồm cả nhà trường và cộng đồng xã hội, thể hiện một quá trình tác động nhằm hướng đến mục tiêu đầu ra là sự nhất quán trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này trong toàn bộ địa bàn của Tây Nguyên.

Chương trình GD phổ thông 2018 được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện GD và đào tạo; gắn với nhu cầu phát triển của đất nước, những tiến bộ của thời đại về khoa học - công nghệ và xã hội; phù hợp với đặc điểm con người, văn hoá Việt Nam, các giá trị truyền thống của dân tộc và những giá trị chung của nhân loại cũng như các sáng kiến và định hướng phát triển chung của UNESCO về GD; tạo cơ hội bình đẳng về quyền được BV, chăm sóc, học tập và phát triển, quyền được lắng nghe, tôn trọng và được tham gia của HS; đặt nền tảng cho một xã hội nhân văn, phát triển bền vững và phồn vinh; bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung GD với những kiến thức, kĩ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; hài hoà đức, trí, thể, mỹ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống; tích hợp cao ở các lớp học dưới, phân hoá dần ở các lớp học trên; thông qua các phương pháp, hình thức tổ chức GD phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi HS, các phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu GD và phương pháp GD để đạt được mục tiêu đó; bảo đảm định hướng thống nhất và những nội dung GD cốt lõi, bắt buộc đối với HS toàn quốc, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương, nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung GD và triển khai kế hoạch GD phù hợp với đối tượng GD và điều kiện của địa phương, của nhà trường, góp phần bảo đảm kết nối hoạt động của nhà trường với gia đình, chính quyền và xã hội.

Do đó, mô hình GD BV ĐVHD trong nhà trường phổ thông được xây dựng dựa trên quan điểm chính đó là (i) dạy học tích hợp: tích hợp GD BV ĐVHD với chương trình GD phổ thông thông qua dạy học trên lớp và hoạt động ngoại khoá (trong và ngoài nhà trường). Đây chính là cơ hội phát triển các năng lực của HS thông qua việc vận dụng kiến thức tổng hợp để giải quyết vấn đề thực tiễn; (ii) *học tập trải nghiệm*: GV là người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS trải nghiệm, tự lực chiếm lĩnh nội dung học tập, chủ động đạt các mục tiêu về kiến thức, thái độ và thể hiện hành vi. Bên cạnh việc hình thành các kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi đúng đắn với môi trường, việc học tập phải đảm bảo khai thác được vốn kinh nghiệm và sử dụng giác quan của người học trong quá trình học tập.

2.4.2.1. Cấu trúc của mô hình GD BV ĐVHD trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên

Để xác định các thành tố của mô hình GD BV ĐVHD cho HS trường phổ thông cần xem xét sự tham gia của tất cả các thành tố liên quan. Thông thường, các thành tố này được mô tả cụ thể trong tiến trình vận hành mô hình GD BV ĐVHD cho HS trường phổ thông, cụ thể:

* *Đầu vào*: bao gồm mục tiêu GD BV ĐVHD, các căn cứ pháp lí về GD BV ĐVHD, nhu cầu thực tế địa phương về GD BV ĐVHD cho nhà trường phổ thông.

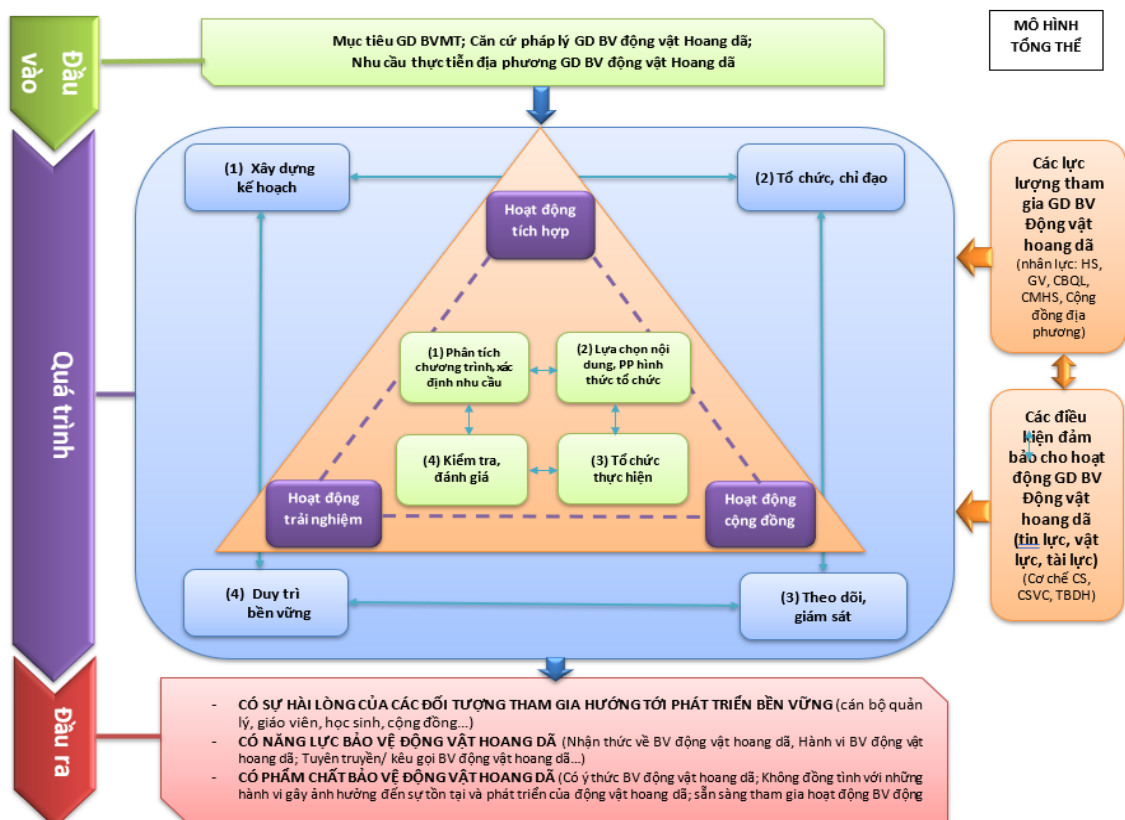
* *Quá trình*: Bao gồm các hoạt động GD BV ĐVHD trong nhà trường phổ thông thông qua 3 mô hình hoạt động GD:

- Mô hình GD BV ĐVHD thông qua các hoạt động tích hợp vào các môn học
- Mô hình GD BV ĐVHD thông qua hoạt động trải nghiệm trong nhà trường Tiểu học, trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông
- Mô hình GD BV ĐVHD dựa vào cộng đồng

Tùy vào đặc điểm của địa phương, cộng đồng; đặc điểm tâm lí lứa tuổi cũng như đặc điểm chương trình, nội dung học tập của HS, các mô hình sẽ được ưu tiên xây dựng và triển khai theo bối cảnh cụ thể của nhà trường.

Mỗi mô hình hoạt động GD được thiết kế dựa trên 4 bước cơ bản, đó là: (1) Xây dựng kế hoạch, (2) Tổ chức chỉ đạo; (3) Theo dõi, giám sát và (4) Duy trì bền vững. Bốn bước này đều hướng đến kết quả đầu ra và đạt được mục tiêu đầu vào của mô hình. Tuy nhiên, tùy vào cách tiếp cận, mỗi mô hình theo hoạt động GD này sẽ có những điểm riêng biệt.

Mô hình GD BV ĐVHD trong nhà trường phổ thông được sơ đồ hóa như Hình 1.



Hình 1. Mô hình GD BV ĐVHD trong nhà trường phổ thông ở khu vực Tây Nguyên

Bảng 1. Các bước cơ bản trong thiết kế mô hình hoạt động GD

Các bước	Mô tả tiến trình các bước
Bước 1: Xây dựng kế hoạch	+ Lập kế hoạch hành động từ thực trạng địa phương và quan điểm tiếp cận của mô hình, trên tinh thần khai thác tiềm năng địa phương và sự tham gia của cộng đồng trong đó làm rõ về nội dung, tiến độ, nguồn lực, vai trò của các bên liên quan.
Bước 2: Tổ chức chỉ đạo	+ Triển khai các nội dung theo tiến độ về thời gian đã được xác lập trong khâu lập kế hoạch + Phát triển các liên kết để gia tăng hiệu quả: liên kết giữa các nhóm cộng đồng, giữa các địa phương, liên kết với các chuyên gia, các đối tác. + Theo dõi quá trình triển khai và đảm bảo các yếu tố vật chất, nguồn lực GD và sự an toàn của HS khi tổ chức các hoạt động GD BV ĐVHD + Giải quyết và điều chỉnh khi có vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai
Bước 3: Theo dõi, giám sát	+ Kiểm tra và đánh giá về tính khả thi, tính phù hợp, tính hiệu quả của mô hình thông qua các hoạt động GD BV ĐVHD dựa trên các tiêu chí đưa ra

Bước 4: Cải tiến và duy trì bền vững	+ Đưa ra các điều chỉnh thích hợp với điều kiện sẵn có. + Rút ra các bài học kinh nghiệm + Tiếp tục duy trì và cải thiện các hoạt động đã triển khai + Xây dựng và tiếp nối các hoạt động tiếp theo tạo sự liên mạch và bền vững cho các hoạt động
---	---

Mặc khác, để thực hiện được mô hình này rất cần sự tham gia của tất cả các lực lượng trong nhà trường và ngoài cộng đồng cùng chung tay phát triển và duy trì bền vững mô hình. Bên cạnh đó, các điều kiện đảm bảo như cơ sở vật chất, tiềm lực kinh phí cũng như sự ủng hộ của các mạnh thường quân, các điều kiện tự nhiên – xã hội cũng góp phần hỗ trợ đắc lực cho mô hình vận hành trơn tru và duy trì được lâu dài.

* **Đầu ra:** Quan tâm đến sự hài lòng của tất cả các đối tượng tham gia vào mô hình, bao gồm: CBQL, GV, HS, cộng đồng (cha mẹ HS, chính quyền địa phương, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hạt kiểm lâm,...); và mục tiêu hình thành cũng như phát triển năng lực và phẩm chất cho các đối tượng liên quan trong GD BV ĐVHD. Cụ thể là:

○ CBQL: Tổ chức triển khai các hoạt động GD BV ĐVHD tại đơn vị mình quản lí, kết nối GV, HS và cộng đồng sẵn sàng tham gia các hoạt động GD và BV ĐVHD và đề xuất được phương án điều chỉnh mô hình (nếu có).

○ GV: Triển khai được các hoạt động GD nhằm tổ chức BV ĐVHD cho HS theo hướng tích hợp, trải nghiệm hoặc dựa vào cộng đồng. Đồng thời, gắn kết, kết nối với cộng đồng để cùng thực hiện các hoạt động này, sẵn sàng tham gia các hoạt động GD và BV ĐVHD và đề xuất được phương án điều chỉnh mô hình (nếu có).

○ HS: Có hiểu biết cơ bản về ĐVHD và các biện pháp BV ĐVHD ở Tây Nguyên; có thể thực hành các kỹ năng và có ý thức BV ĐVHD; biết cách tuyên truyền về việc BV ĐVHD, sẵn sàng tham gia các hoạt động về BV ĐVHD.

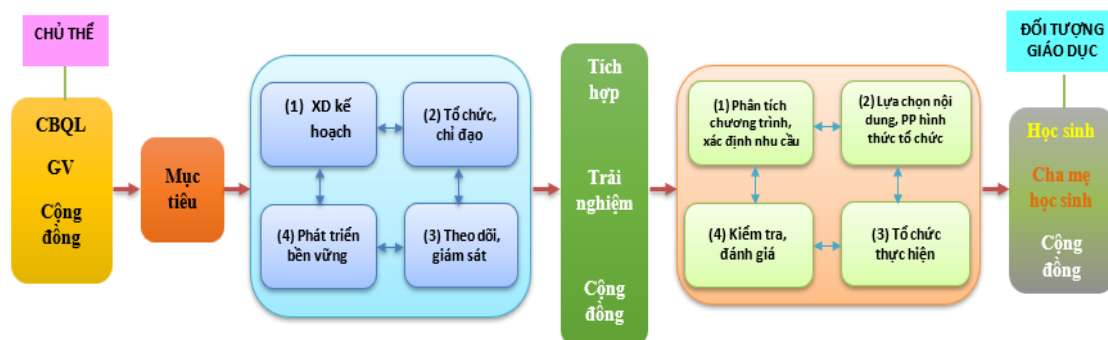
○ Cộng đồng tham gia cùng với nhà trường để GD BV ĐVHD cho HS, bảo tồn được các ĐVHD quý hiếm, tham gia cùng với nhà trường trong quá trình GD để cùng theo dõi, GD, giúp HS tiến bộ, sẵn sàng tham gia phối hợp trong các hoạt động GD và BV ĐVHD.

Tiến trình từ đầu vào đến quá trình đến đầu ra là một chu trình khép kín và có sự nối tiếp, hết tiến trình cũ sẽ quay lại tiếp tục một tiến trình mới có tính hoàn thiện và tính thích ứng cao hơn với các biến động của cộng đồng xã hội.

2.4.2.2. Cách thức vận hành của mô hình

Để mô hình triển khai được vào trong thực tiễn cần làm rõ được mối quan hệ, sự vận hành của các thành tố của mô hình trong một hệ thống chỉnh thể, đồng bộ. Mô tả sự vận hành của các thành tố được thể hiện dưới dạng *Mô hình thực hiện*, chú ý đến sự vận hành và quá trình thực hiện.

Nếu sắp xếp theo quá trình tác động từ đầu vào đến đầu ra (hoạt động thông qua chủ thể và đối tượng tác động) thì vận hành của các thành tố trong mô hình được sơ đồ hóa như hình dưới đây:



Hình 2. Sự vận hành của các thành tố trong mô hình GD BV ĐVHD ở khu vực Tây Nguyên

Sự vận hành của mô hình được mô tả cụ thể như sau:

(1) Xác định mục tiêu GD BV ĐVHD, các căn cứ pháp lí về GD BV ĐVHD, nhu cầu thực tế địa phương về GD BV ĐVHD cho nhà trường phổ thông; CBQL và GV cần tìm hiểu các căn cứ pháp lí về GD BV ĐVHD cũng như xác định mục tiêu GD BV ĐVHD cho phù hợp với từng đối tượng HS; Đồng thời phối hợp với cha mẹ HS, cộng đồng địa phương tìm hiểu nhu cầu thực tế địa phương về GD BV ĐVHD trong nhà trường phổ thông.

(2) Xác định hoạt động GD BV ĐVHD: dựa vào căn cứ pháp lí, mục tiêu, và nhu cầu thực tế, CBQL và GV xác định hình thức tổ chức hoạt động GD BV ĐVHD, bao gồm hoạt động tích hợp, lồng ghép vào chương trình môn học hoặc hoạt động GD cụ thể; hoạt động trải nghiệm; hoạt động ngoài cộng đồng.

(3) Các cấp quản lí tổ chức chỉ đạo thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch: CBQL và GV căn cứ vào mục tiêu GD BV ĐVHD và thực tế nhu cầu của địa phương cũng như đối tượng HS cụ thể để từ đó xây dựng mục tiêu, nội dung, lựa chọn phương thức tổ chức, phương thức giám sát.

- Tổ chức chỉ đạo: CBQL, GV phối hợp với cộng đồng (hội phụ nữ, đoàn thanh niên,...) chỉ đạo và tổ chức triển khai các hoạt động theo kế hoạch với các hoạt động tương ứng, trong đó chú trọng đến các hoạt động nhằm lan tỏa ý thức BV ĐVHD; khích lệ các hành vi tuyên truyền BV ĐVHD.

- Theo dõi, giám sát: Thực hiện giám sát và đánh giá tính khả thi, tính phù hợp, tính hiệu quả thông qua các hoạt động GD BV ĐVHD dựa trên các tiêu chí đã được đưa ra.

- Duy trì bền vững: Trách nhiệm của các chủ thể tham gia trong quá trình vận hành, duy trì và phát triển mô hình cũng được tính đến. Trong đó, trách nhiệm cụ thể cho từng chủ thể được xác lập dựa theo phương thức sau:

- CBQL: Đưa các nội dung GD BV ĐVHD vào kế hoạch GD nhà trường; Chỉ đạo các đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, ...) và tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch GD BV ĐVHD trong kế hoạch GD của tổ chuyên môn, kế hoạch GD cá nhân và vận hành mô hình GD BV ĐVHD phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và tiềm lực thực tế; Tạo điều kiện thuận lợi để mô hình được nhân rộng và duy trì bền vững trong nhà trường; Chủ động giới thiệu, tuyên truyền tới cha mẹ HS và cộng đồng về mô hình GD BV ĐVHD của nhà trường, vừa kêu gọi sự tham gia xây dựng, vừa vận hành mô hình ở mức độ phù hợp trên tinh thần tự nguyện, phát huy khả năng của các đối tượng này; Giám sát, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động của mô hình GD BV ĐVHD đảm bảo tính phù hợp và tính hiệu quả với điều kiện của nhà trường;

- Tổ trưởng chuyên môn, GV phụ trách các đoàn thể: Tùy vào chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của mình để tham gia chỉ đạo, phối hợp, giám sát triển khai mô hình có hiệu quả, bám sát theo đúng chỉ đạo của Lãnh đạo nhà trường. Trực tiếp xây dựng kế hoạch GD của tổ chuyên môn và trực tiếp hướng dẫn GV thực hiện các hoạt động GD BV ĐVHD theo kế hoạch đã xây dựng. Hướng dẫn GV phối hợp với cha mẹ HS, chính quyền địa phương, cộng đồng... duy trì tính bền vững của mô hình và phát triển mô hình theo hướng vừa đảm bảo những nội dung cốt lõi trong vấn đề GD BV ĐVHD vừa có tính linh hoạt trong các phương thức triển khai và các hoạt động cụ thể đáp ứng một cách phù hợp với những thay đổi của thực tiễn.

- GV: Dựa trên kế hoạch của tổ chuyên môn để hiện thực hóa kế hoạch GD BV ĐVHD trong kế hoạch cá nhân. Chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy và kế hoạch tổ chức các hoạt động GD theo hướng tích hợp các nội dung GD BV ĐVHD. Trực tiếp hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động GD BV ĐVHD thông qua hoạt động dạy học và hoạt động trải nghiệm cũng như hoạt động đông ở cộng đồng. Chủ động phối hợp với cha mẹ HS thực hiện các hoạt động GD BV ĐVHD.

- HS: Trực tiếp thực hiện các hoạt động GD BV ĐVHD.

- Chính quyền địa phương: Xây dựng chính sách phù hợp để trực tiếp tham gia và phối hợp với các hoạt động GDBV ĐVHD của nhà trường.

- Cha mẹ HS và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trường đóng trụ sở: Cùng phối hợp và trực tiếp tham gia các hoạt động GD BV ĐVHD với nhà trường tùy theo điều kiện, khả năng trên tinh thần chủ động và tự nguyện.

Các đối tượng liên quan tổ chức thực hiện: CBQL và GV của cơ sở GD cần phân tích chương trình và xác nhận nhu cầu thực tiễn khác nhau của từng cơ sở GD. Từ đó: Lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức phù hợp, dự kiến sử dụng phương tiện cơ sở vật chất nào, số lượng bao nhiêu; Tổ chức thực hiện và Kiểm tra, đánh giá. Việc kiểm tra đánh giá được thực hiện thường xuyên nhằm mục tiêu rà soát, điều chỉnh và đảm bảo hoạt động này diễn ra thường xuyên và liên tục.

3. Kết luận

Mô hình GDBVĐVHD được thiết kế không chỉ là mô hình lí thuyết (mô hình tĩnh), mà đã được cụ thể hoá bằng một quy trình vận hành với các bước tổ chức, nội dung tiến hành, các lực lượng tham gia, các nguồn lực hỗ trợ, đảm bảo mô hình có thể được triển khai phù hợp, hiệu quả trong thực tiễn, tạo điều kiện để tổ chức phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong việc GD BV ĐVHD ở Tây Nguyên, tăng cường các hoạt động trải nghiệm trong các nội dung GD và các hoạt động thực địa tại các khu bảo tồn, vườn quốc gia, khu du lịch,... nhằm GD ý thức trách nhiệm và những hành vi đúng đắn về bảo tồn, BV ĐVHD của HS và cộng đồng.

Để việc triển khai mô hình BV ĐVHD tại các trường phổ thông khu vực Tây Nguyên có hiệu quả trong thực tiễn, các cơ sở GD cần thực hiện tốt một số hoạt động: (i) Triển khai các mô hình, phương thức GD BV ĐVHD cho HS phổ thông được đề xuất trong tài liệu phù hợp với từng cấp học, lớp học và đối tượng HS; (ii) Quản lí tốt quá trình GD BV ĐVHD cho HS trong các môn học và hoạt động GD, tạo thành một hệ thống quản lí đồng bộ, tổng thể, góp phần triển khai có hiệu quả những định hướng và giải pháp chung, đồng thời chú ý đến các đặc điểm địa phương và các điều kiện thực tế của nhà trường; (iii) Ban giám hiệu nhà trường cần quan tâm, khuyến khích, tạo điều kiện (về thời gian, thiết bị dạy học, tài liệu,...) để GV, HS nâng cao nhận thức về BV ĐVHD đồng thời thường xuyên dạy và học nội dung GD BV ĐVHD, tích hợp vào những môn học, bài học phù hợp, hiệu quả; (iv) Khuyến khích GV sử dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực, trong đó có phương pháp dạy học dựa trên tình huống trong quá trình giảng dạy các môn học nói chung và GD BV ĐVHD khu vực Tây Nguyên nói riêng; (v) Xây dựng môi trường thân thiện ở tất cả các cấp học, lớp học tại các địa phương, nhằm tạo cơ hội cho HS được trải nghiệm, gần gũi với môi trường tự nhiên, nơi những loài ĐVHD có thể là sống hòa hợp với con người; (vi) Các đơn vị quản lí nhà trường cần có hình thức và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện hoạt động GD BV ĐVHD khu vực Tây Nguyên; mở rộng yêu cầu và nội dung GD BV ĐVHD khu vực Tây Nguyên đến các cấp học theo chương trình GD phổ thông 2018.

Các hoạt động GD BV ĐVHD dành cho HS phổ thông tại Tây Nguyên đã được triển khai trong trường học với quy mô và tần suất khác nhau. Nhận định ban đầu cho thấy hầu hết các CBQL, GV đều nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động này trong quá trình dạy và học trong nhà trường. Đồng thời, họ cũng kì vọng nhiều hơn vào hiệu quả của hoạt động GD BV các loài động vật trong tự nhiên khi được hỗ trợ từ các nguồn lực bên ngoài nhà trường về nhân lực, tài lực, vật lực. Có rất nhiều giải pháp đã được đưa ra với mức độ ưu tiên khác nhau nhằm nâng cao hiệu quả trong việc GD HS phổ thông về BV ĐVHD tại Tây Nguyên.

Bài viết đã đề xuất mô hình GD BV ĐVHD cho HS phổ thông cũng như cách thức triển khai, vận hành mô hình này trong thực tiễn trường học. Mô hình cũng đã được triển khai tại các nhà trường thông qua hoạt động tập huấn cho đối tượng CBQL và GV của 05 địa phương. Đồng thời, để đánh giá tính khả thi khi áp dụng vào thực tiễn của mô hình GDBVĐVHD ở trường phổ thông khu vực Tây Nguyên, trong thời gian từ 05-30/10/2023 mô hình đã được tổ chức thử nghiệm tại một số trường TH, THCS, THPT của hai tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk. Nội dung thử nghiệm bao gồm: (1) tổ chức dạy học tích hợp; (2) tổ chức hoạt động GD; (3) tổ chức hoạt động dựa vào cộng

đồng và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Kết quả thử nghiệm cho thấy mô hình đã được nhà trường tiếp nhận và triển khai với những phương pháp và hình thức tổ chức đa dạng, sáng tạo, bước đầu tạo được dấu ấn trong công tác GDBVĐVHD khu vực Tây Nguyên. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài báo, chúng tôi không dẫn ra được những số liệu, hình ảnh cụ thể của hoạt động này.

Việc đề xuất mô hình là đóng góp mới của nghiên cứu nhằm tạo ra một khuôn mẫu chung mang tính khái quát áp dụng không chỉ ở khu vực Tây Nguyên mà còn cho tất cả các trường học trong hệ thống GD quốc dân tạo tiền đề áp dụng đại trà GD BV ĐVHD cho HS trên cả nước. Từ đó, góp phần nâng cao ý thức của người dân về BV môi trường sống của các loài động vật cũng như BV sự cân bằng hệ sinh thái trên trái đất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thảo Vy, (2022). *WMO cảnh báo nhiệt độ toàn cầu sẽ phá vỡ mức cao kỷ lục trong vòng 5 năm tới*. <http://vnmma.gov.vn/khi-tuong-the-gioi-151/wmo-can-bao-nhiet-do-toan-cau-se-pha-vo-muc-cao-ky-luc-trong-vong-5-nam-toi-12984.html>
- [2] UNESCO, (2020). Selected resources on SDG15.
- [3] ĐTT Huyền, (2007). *Giáo dục Bảo tồn động thực vật hoang dã khởi đầu bán trái phép – Hướng dẫn thực hiện hoạt động với HS*. WWF xuất bản.
- [4] <https://www.wildlifeconservationtrust.org/our-work/communities/education/>
- [5] Wright DS, Crooks KR, Hunter DO, Krumm CE & Balgopal MM, (2021). Middle school science teachers' agency to implement place-based education curricula about local wildlife. *Environmental Education Research*, 27(10), 1519-1537.
- [6] Wildlife At Risk, Viện Hải Dương Học Nha Trang, (2016). *Rắn biển Việt Nam – Sea snakes in Vietnam*. Tra cứu tại <https://wildlifeatrisk.org/vi/an-pham/sach>
- [7] <https://africanwildlifeconservationfund.org/education-outreach>
- [8] <http://limbewildlife.org/what-we-do/education>
- [9] <https://africanconservation.org/project/conservation-education>
- [10] Goodall J, (2017). World Environment Day China works toward a brighter future. <http://tz.china-embassy.gov.cn/chn/sgdt/201708>
- [11] Huang G, Ping X, Xu W, Hu Y, Chang J, Swaisgood RR,... & Wei F, (2021). Wildlife conservation and management in China: achievements, challenges and perspectives. *National Science Review*, 8(7). <https://doi.org/10.1093/nsr/nwab042>
- [12] Ministry of the Environment and Water Resources and Ministry of National Development (2015). Sustainable Singapore Blueprint.
- [13] Birdsall S & Kelly T, (2022). "Conservation education in Aotearoa-New Zealand: A values perspective". *Australian Journal of Environmental Education*, 38(2), 178-191. <https://doi.org/10.1017/aee.2022.19>
- [14] TH Hoàng & cộng sự, (2024), Kinh nghiệm quốc tế về giáo dục bảo tồn động vật hoang dã và một số khuyến nghị. *Tạp chí giáo dục*, số 17 (24), p59-64.
- [15] TH Hoàng, (2024). *Giáo dục bảo vệ động vật hoang dã trong nhà trường phổ thông khu vực Tây Nguyên*. Đề tài Khoa học công nghệ cấp Bộ, mã số B2022-VKG-02-MT.TĐ, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.